TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thủy
2. Ông Trần Thành Đô

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Ninh Đắc T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:** Chị Đàm Thị NA, sinh năm 1998

ĐKHKTT: Thôn TL, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG.

(Hiện nay không rõ địa chỉ) - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Ninh Đắc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đàm Thị NA đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG vào ngày 12/12/2016. Trước khi kết hôn anh và chị Đàm Thị NA được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị Đàm Thị NA về nhà anh làm dâu và chung sống cùng gia đình anh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 8 năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị thường xuyên cãi nhau. Sau đó vợ chồng ly thân không chung sống cùng nhau. Gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Kể từ tháng 7 năm 2020, anh và chị Đàm Thị NA cắt đứt mọi liên lạc. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Đàm Thị NA, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đàm Thị NA. Địa chỉ hiện nay của chị Đàm Thị NA anh không biết, không cung cấp được cho Tòa án.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ninh Đắc H, sinh ngày 09/6/2017. Hiện nay Huy do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, thời điểm đầu khi chị Đàm Thị NA và anh ly thân, chị NA bỏ đi nhưng thi thoảng chị có gọi điện về hỏi thăm con cái nhưng kể từ tháng 7 năm 2020 thì chị Đàm Thị NA không gọi điện về và cắt đứt liên lạc với bố con anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Tài liệu chứng cứ thu thập được:***

+ Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2021, Trưởng công an xã ĐM, huyện LG cung cấp: Chị Đàm Thị NA có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG. Tuy nhiên, khoảng 02 năm trở lại đây chị Đàm Thị NA vắng mặt tại địa phương, địa phương không biết nơi ở hiện nay của chị Đàm Thị NA.

+ Tại Công văn số 684/ANĐNg ngày 20/4/2021 của Phòng an ninh đối ngoại, Công an tỉnh BG và Công văn số 9810/QLXNC-P5 ngày 22/4/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cho biết: Đàm Thị NA, sinh ngày 09/12/1998 không có thông tin xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

+ Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2021, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chịn Đàm Thị NA cung cấp: Bà là mẹ đẻ của chị Đàm Thị NA, Kể từ hai năm nay, chị Đàm Thị NA bỏ nhà không về nhà chồng cũng không về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Thi thoảng chị Đàm Thị NA có gọi điện về hỏi thăm gia đình. Tuy nhiên gia đình khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ làm ăn thì chị Đàm Thị NA không nghe. Có lúc chị NA nói đang làm việc ở Thái Nguyên, có lúc nói làm việc ở Hà Nội. Gia đình không biết hiện nay chị Đàm Thị NA đang ở đâu. Quá trình chị Đàm Thị NA và anh T chung sống thì do chị Đàm Thị NA còn trẻ, ham chơi nên gia đình có nói lại thì chị NA bỏ nhà đi từ tháng 8 năm 2020 không về nhà nữa. Giữa anh T và chị NA có 01 con chung là cháu Ninh Đắc H, sinh năm 2017. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh T. Nay anh T khởi kiện xin ly hôn gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn và đề nghị giao cháu H

cho anh T nuôi dưỡng. Bà sẽ liên lạc thông báo cho chị NA được biết vụ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc anh T khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con cho chị NA, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ thông báo lại cho chị NA.

+ Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2021, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị Đàm Thị NA cung cấp: Gia đình đã liên lạc qua điện thoại cho chị Đàm Thị NA việc Tòa án Tòa án nhân dân huyện LG đang thụ lý giải quyết việc anh T khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con với chị. Qua điện thoại, chị NA cho biết chị đồng ý ly hôn và thông qua gia đình thông báo lại và cho biết sẽ không về Tòa án làm việc. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị, chị không cho gia đình biết thông tin địa chỉ hiện nay của chị ở đâu. Đề nghị Tòa án giải quyết cho nhanh vụ việc.

+ Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2021, đại diện chính quyền địa phương thôn TL, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG cung cấp: Anh Ninh Đắc T và chị Đàm Thị NA là công dân của xã ĐM, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG. Tuy nhiên, chị Đàm Thị NA đã bỏ đi khỏi địa phương từ lâu. Chị Đàm Thị NA đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị NA. Giữa anh chị có 01 con chung là cháu Ninh Đắc H, sinh năm 2017, cháu H vẫn được anh T chăm sóc, phát triển tốt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tòa án nhân dân huyện LG đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhiều lần cho chị NA qua mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T nhưng chị NA vẫn không đến Toà án để làm việc cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 16/6/2021 và ngày 22/6/2021 nhưng chị NA vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Ngày 14/7/2021, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng chị Đàm Thị NA vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

- Tại phiên toà hôm nay, bị đơn là chị Đàm Thị NA đã được triệu tập hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì lý do công việc anh T xin vắng mặt tại phiên tòa.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh BG phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành

pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ninh Đắc T và xử cho anh T được ly hôn chị Đàm Thị NA. Về con chung: Giao cháu Ninh Đắc H, sinh ngày 09/6/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung: Do anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của anh Ninh Đắc T là nguyên đơn làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Đàm Thị NA, đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn TL, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG. Anh T yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn. Từ các nội dung trên, Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: chị Đàm Thị NA vắng mặt tại địa phương từ tháng 8 năm 2020, Tòa án đã làm việc với bố mẹ đẻ của chị NA, xác minh với chính quyền địa phương, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh BG và Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị NA không xuất cảnh, hiện chị NA đang ở đâu, làm gì gia đình và địa phương không biết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự 2015, việc chị NA đã thay đổi nơi cư trú không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ.. Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP thấy rằng, địa chỉ cuối cùng của chị Đàm Thị NA tại thôn TL, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ đẻ chị NA nhận và gọi điện thông báo cho chị NA, chị NA đã biết vụ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết nhưng chị không đến Tòa án làm việc. Chị NA vắng mặt tại phiên tòa ngày 14/7/2021 và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mà không có lý do. Anh Ninh Đắc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị NA.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị NA kết hôn ngày 12/12/2016 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh T và chị NA là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị NA còn trẻ, ham chơi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 8 năm 2020, chị NA bỏ nhà, vợ chồng ly thân không liên lạc với nhau cho đến nay. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng chị NA không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định chị NA không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, chị NA phản hồi ý kiến qua gia đình là mẹ đẻ là chị đồng ý ly hôn anh T nhưng cho biết sẽ không về Tòa án làm việc. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ninh Đắc T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị NA có 01 con chung là cháu Ninh Đắc H, sinh ngày 09/6/2017, cháu H đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay chị NA không rõ địa chỉ ở đâu. Để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt của cháu H được ổn định cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị NA có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 180, Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Ninh

Đắc T phải chịu toàn bộ lệ phí đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và án phí dân sự sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Ninh Đắc T được ly hôn chị Đàm Thị NA.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Ninh Đắc H, sinh ngày 09/6/2017 cho anh Ninh Đắc T nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết cho đến khi đương sự có yêu cầu.

Chị Đàm Thị NA có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về lệ phí, án phí:

- Anh Ninh Đắc T phải chịu 3.000.000 đồng tiền lệ phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận anh T đã nộp đủ và đã chi phí hết số tiền này.

- Anh Ninh Đắc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002881 ngày 26/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LG. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND xã ĐM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm